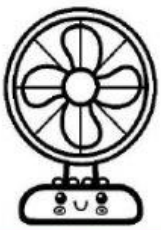
TIẾNG VIỆT

AT, ÂT, ĂT, ET, ÊT, IT

Câu 1. Chọn từ và hình cho phù hợp:













cái quạt	dệt vải	trái mít
lọ mật	vẹt mỏ đỏ	đôi mắt

LIVEWORKSHEETS

Câu 2. Nối từ với từ:

Trời	mát mẻ.
Cô dạy bé	áo cho bé.
Mẹ giặt	cắt giấy.

Câu 3. Chọn từ thích hợp cho các câu sau:

- Bé chơi _____ thợ dệt.
- Mẹ là _____ đất sét.
- Bịt mắt _____ bắt dê.

Câu 4. Điền ăt hay ât:

rửa m…… ; b…… ti vi;

b……tay; tr……tự.

LIVEWORKSHEETS

Câu 5. Chọn từ đúng:





quét nhà	quết nhà	ngày tét	ngày tết





cà vạt	cà vịt	vạt bầu	vịt bầu

Câu 6. Viết 1 câu có chữ:

quét nhà

quả mít

mặt trời

phát quà

LIVEWORKSHEETS

Câu 7. Đọc và trả lời các câu hỏi sau:

Bà kể cho bé nghe về chú vịt bầu. Bé mê tít. Về nhà, bé vẽ chú vịt bầu ở bờ ao. Sau đó, cả nhà vừa hát vừa múa. Vui thật là vui.

1. Tiếng trong bài có vần it: _____

2. Bà kể cho bé nghe về con gì?

- ☐ chú heo.
- ☐ chú vịt bầu.
- ☐ chú gà mái.



3. Bé vẽ chú vịt bầu ở đâu?

- ☐ ở bờ ao.
- ☐ ở sở thú.
- ☐ ở quê.

4. Điền vào chỗ trống:

Sau đó, cả nhà làm gì?

➢ Sau đó, cả nhà _____

LIVEWORKSHEETS